TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHIÊM HÓA** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2023/DS-ST
Ngày: 15-5-2023.
" Về việc: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ N VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đào Thị Bích Ngọc**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Lý Văn Tòng.**

2. Bà **Trương Ngọc Phượng.**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Hà Thị Vân** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà **Chu Thị Hoa** - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 32/2022/TLST- DS ngày 20 tháng 10 năm 2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 03/2023/QĐXXST- DS ngày 04 tháng 4 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 07/2023/QĐST-DS ngày 28/4/2023, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà Đinh Thị N, sinh năm 1963. Địa chỉ: Tổ V, thị trấn V1, huyện C, tỉnh Tuyên Quang *(Có mặt).*

* Bị đơn: Chị Tạ Thị T, sinh năm 1981. Địa chỉ: Thôn Đ, xã P, huyện C, tỉnh Tuyên Quang. Hiện đang tạm trú tại: Thôn Đ1, xã N1, huyện C, tỉnh Tuyên Quang *(Vắng mặt).*

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 16/8/2022 và quá trình giải quyết nguyên đơn bà Đinh Thị N trình bày:

Ngày 10/01/2021 chị Tạ Thị T là giáo viên trường THCS xã N1, huyện C có vay của bà N số tiền nợ gốc 54.000.000 đồng *(Năm mươi tư triệu đồng)*. Khi vay chị T có viết giấy vay tiền và cam kết mỗi tháng sẽ chuyển trả cho bà N 2.700.000 đồng tiền lãi. Việc ghi số tiền lãi do chị T tự viết nhưng trên thực tế chị T không trả cho bà N khoản tiền lãi này. Đến ngày 10/3/2021 chị T tiếp tục hỏi vay bà N số tiền 5.400.000 đồng để chi tiêu cá nhân. Khi vay chị T tiếp tục viết giấy vay tiền và hứa sẽ trả nợ trong tháng 3 năm 2021 và thỏa thuận lãi suất 5% một tháng. Việc vay tiền đều do chị T tự nguyện vay, tự nguyện viết giấy vay nợ và ký giấy. Từ sau khi vay tiền, chị T không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền lãi hằng tháng theo thỏa thuận. Do chị T không thực hiện đúng cam kết trả tiền theo thỏa thuận, bà N đã nhiều lần gọi điện thoại đòi nợ và nhắn tin qua ứng dụng mạng xã hội Zalo để nhắc chị T trả nợ gốc và lãi nhưng chị T không trả được nên bà N có đơn khởi kiện đến Tòa án yêu cầu giải quyết buộc chị T có N vụ trả tiền nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày khởi kiện là 76.100.000 đồng *(Bảy mươi sáu triệu một trăm nghìn đồng)*.

Quá trình giải quyết bà N thay đổi ý kiến trình bày và xác nhận chị T đã trả cho bà N tổng số tiền lãi 4.100.000 đồng, trong đó:

Ngày 20/8/2021 chị T chuyển trả cho bà N được 1.600.000 đồng tiền lãi tính từ khi vay tiền.

Ngày 05/11/2021 chị T trả cho bà N được 500.000 đồng tiền lãi.

Ngày 02/5/2022 chị T trả cho bà N được 2.000.000 đồng tiền lãi.

Bà N yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị T trả tổng số tiền nợ gốc 59.400.000 đồng và số tiền lãi tính từ ngày 11/3/2021 đến ngày xét xử với mức lãi suất 20%/năm, nhất trí trừ số tiền lãi 4.100.000 đồng chị T đã trả.

Tại bản tự khai bị đơn Tạ Thị T trình bày:

Ngày 10/01/2021 chị Tạ Thị T có vay của bà Đinh Thị N trú tại tổ V, thị trấn V1 số tiền nợ 54.000.000 đồng *(Năm mươi tư triệu đồng)*. Khi vay chị T là người viết giấy vay tiền và cam kết trong giấy mỗi tháng trả 2.700.000 đồng tiền lãi. Bắt đầu trả lãi từ tháng 02 năm 2021. Sau khi vay chị T đã chuyển trả tiền lãi cho bà N từ tài khoản ngân hàng của chị T. Bà N giữ ứng dụng E-Mobanking của chị T, sau khi có lương thì bà N tự chuyển tiền từ tài khoản của chị T sang tài khoản của bà N. Số còn lại bà N chuyển lại về tài khoản Viettinbank của chị T. Bắt đầu từ nửa năm 2022 chị T chưa trả lãi theo cam kết cho bà N. Đến nay chị T vẫn còn nợ bà N số tiền nợ gốc 54.000.000 đồng. Trước yêu cầu khởi kiện của bà N chị T nhất trí trả số tiền nợ như trong giấy vay tiền ngày 10/01/2021 nhưng bà N phải trừ cho chị T số tiền đã trả từ ngày vay đến nay. Tuy nhiên, chị T không nhớ đã trả được cho bà N bao nhiêu tiền, chị T sẽ cung cấp sao kê của Ngân hàng để chứng minh việc chuyển khoản số tiền đã trả cho bà N.

Ngày 10/3/2021 chị T tiếp tục viết giấy vay tiền với số tiền 5.400.000 đồng *(Năm triệu bốn trăm nghìn đồng)* của bà N nhưng số tiền này chị T đã trả hết cho bà N, trả qua tài khoản ngân hàng cho bà N, bà N đã nhất trí trừ lùi số

tiền đã trả để trả vào khoản tiền vay này. Trước yêu cầu khởi kiện chị T xác định số tiền 5.400.000 đồng *(Năm triệu bốn trăm nghìn đồng)* đã trả hết cho bà N.

Chị T xác định số tiền trong giấy vay tiền ngày 10/3/2021 đã trả hết, hiện chỉ còn nợ lại tiền của giấy vay ngày 10/01/2021 nhưng số tiền nợ gốc không còn là 54.000.000 đồng mà ít hơn nhưng chị T chưa tính được số tiền đã trả. Chị T nhất trí trả số tiền nợ theo giấy vay tiền ngày 10/01/2021 nhưng phải trừ số tiền nợ chị T đã trả cho bà N.

Tại phiên tòa

Nguyên đơn bà Đinh Thị N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với tổng số nợ gốc và yêu cầu tính tiền lãi bổ sung từ thời điểm khởi kiện đến ngày Tòa án xét xử; bà N yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị Tạ Thị T có nghĩa vụ trả tổng số tiền nợ gốc 59.400.000 đồng và lãi suất tính từ ngày 11/3/2021 đến ngày 15/5/2023 là 02 năm 02 tháng 04 ngày tức 794 ngày, với mức lãi suất 20%/năm, nhất trí trừ đi số tiền lãi chị T đã trả là 4.100.000 đồng.

Bị đơn Tạ Thị T vắng mặt không có ý kiến khác với lời khai tại bản tự khai có trong hồ sơ vụ việc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa phát biểu: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng bị đơn chưa thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: Bà Đinh Thị N và chị Tạ Thị T có lập các giấy vay tiền gồm: Giấy vay tiền lập ngày 10/01/2021 ghi số tiền vay 54.000.000 đồng, lãi suất hằng tháng là 2.700.000 đồng, bắt đầu trả từ tháng 02 năm 2021, không ghi hạn trả nợ; Giấy vay tiền ngày 10/3/2021 ghi số tiền vay 5.400.000 đồng, lãi suất 5% một tháng, hạn trả trong tháng 3 năm 2021. Giấy vay tiền ngày 10/01/2021 được xác định là hợp đồng vay tài sản không kỳ hạn, có lãi suất; Giấy vay tiền ngày 10/3/2021 được xác định là hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn, có lãi suất; tuy hợp đồng ngày 10/01/2021 không kỳ hạn nhưng bà N đã có căn cứ chứng minh việc bà đòi lại tài sản có báo trước. Đối chiếu các bản in sao kê giao dịch chuyển khoản từ tài khoản ngân hàng mà chị T giao nộp với các bản phô tô tin nhắn tại ứng dụng Zalo giữa chị T và bà N không chứng minh được chị T đã trả được số tiền 5.400.000 đồng vay ngày 10/3/2021 và việc đã trả một phần nợ gốc tại giấy vay ngày 10/01/2021. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 275, 278, 280, 351, 357, 463, 466, 468, 469, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị N, buộc chị Tạ Thị T có N vụ trả tổng số tiền nợ gốc 59.400.000 đồng và số tiền lãi tính từ ngày 11/3/2021 đến ngày xét xử theo mức lãi suất 20%/năm quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự, trừ đi số tiền lãi đã trả là 4.100.000 đồng.

Về lãi suất chậm thực hiện N vụ : Áp dụng các Điều 357, 468 Bộ luật Dân sự, chị Tạ Thị T phải chịu lãi suất theo quy định kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử.

Về án phí và quyền kháng cáo: Áp dụng các Điều 143, 144, 147, 271, 273 Bộ luật tố tụng Dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án tuyên chị Tạ Thị T phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định. Hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí cho bà Đinh Thị N; các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhân dân huyện C nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Bà Đinh Thị N khởi kiện yêu cầu giải quyết buộc chị Tạ Thị T trả tổng số tiền nợ gốc đã vay 59.400.000 đồng và tiền lãi theo quy định; chị T cư trú tại thôn Đ, xã P, huyện C, tỉnh Tuyên Quang. Đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C.

Tại phiên tòa, bà N có mặt tham gia phiên tòa dân sự sơ thẩm theo giấy triệu tập phiên tòa, chị T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vắng mặt nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vụ án theo quy định.

[2] *Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn*:

- Yêu cầu giải quyết buộc chị T trả số tiền nợ gốc 54.000.000 đồng tại giấy vay tiền ngày 10/01/2021: Nguyên đơn bà N và bị đơn chị T đều xác nhận bản viết tay giấy vay tiền ngày 10/01/2021 do chính chị T viết và ký, số tiền cho vay 54.000.000 đồng, lãi suất trả hằng tháng 2.700.000 đồng (tương ứng với 5% một tháng), giấy vay tiền không ghi thời hạn trả nợ. Xác định giấy vay tiền ngày 10/01/2021 là hợp đồng vay tài sản không kỳ hạn, có thỏa thuận lãi theo quy định tại Khoản 2 Điều 469 Bộ luật Dân sự. Trong hợp đồng bà N và chị T không thỏa thuận ngày nào phải trả nợ nhưng sự việc bà N nhiều lần nhắn tin nhắc chị T phải trả nợ là căn cứ cho việc bà N đã báo trước thời gian hợp lý khi muốn đòi lại số tài sản cho vay. Do vậy, yêu cầu khởi kiện đòi lại số tiền nợ gốc 54.000.000 đồng của bà Đinh Thị N là chính đáng, phù hợp với quy định của pháp luật.

- Yêu cầu giải quyết buộc chị T trả nợ gốc 5.400.000 đồng tại giấy vay tiền ngày 10/3/2021: Chị T xác nhận có vay số tiền 5.400.000 đồng ngày 10/3/2021 nhưng chị T đã trả hết số tiền nợ này. Giấy vay tiền thể hiện lãi suất 5% một tháng, thời hạn trả nợ trong tháng 3 năm 2021. Xác định giấy vay tiền ngày 10/3/2021 là hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn, có thỏa thuận lãi theo quy định tại Khoản 2 Điều 470 Bộ luật Dân sự. Hợp đồng vay tài sản này đến hạn từ tháng 3 năm 2021. Bà N cho rằng chị T chưa trả bà N khoản tiền này nên bà N khởi kiện đến Tòa án yêu cầu giải quyết, yêu cầu khởi kiện của bà N phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] *Xét ý kiến của bị đơn:*

Tại bản tự khai ngày 03/01/2023 chị Tạ Thị T cho rằng chị đã trả hết số tiền 5.400.000 đồng vay ngày 10/3/2021 cho bà N. Đối với số tiền 54.000.000 đồng tại giấy vay tiền ngày 10/01/2021 chị cũng đã trả được một phần tiền nợ gốc và tiền lãi đến nay số tiền nợ gốc phải nhỏ hơn 54.000.000 đồng. Để chứng minh việc đã thanh toán một phần tiền nợ, chị Tạ Thị T đã nộp các bản sao kê chứng từ chuyển khoản tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam Chi nhánh huyện C và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam phòng giao dịch huyện C có thông tin chuyển khoản từ tài khoản của chị T đến số tài khoản 101869052038 của bà Đinh Thị N. Chị T không trình bày rõ đã trả bà N được bao nhiêu tiền nợ gốc và bao nhiêu tiền lãi của khoản vay ngày 10/01/2021 mà chỉ nộp được bản sao kê các chứng từ chuyển khoản. Căn cứ các tài liệu chị T giao nộp thấy rằng:

Tại sổ phụ tên khách hàng Tạ Thị T, được in sao từ Ngân hàng Agribank từ ngày 31/01/2020 đến 28/02/2021 có giao dịch ngày 14/01/2021 bà Đinh Thị N chuyển khoản đến cho chị Tạ Thị T với số tiền 936.000 đồng (không phải chị T chuyển khoản trả cho bà Đinh Thị N), các giao dịch từ 10/01/2021 đến 28/02/2021 không có giao dịch nào thể hiện việc chị T chuyển khoản từ tài khoản của chị T đến tài khoản của bà N. Còn các giao dịch trước ngày 10/01/2021 Hội đồng xét xử không xem xét.

Tại Sao kê chi tiết giao dịch tên khách hàng Tạ Thị T được in sao từ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam Phòng giao dịch huyện C từ ngày 12/02/2020 đến ngày 28/02/2021 có giao dịch ngày 19/01/2021 ghi "DINH THI NGHIA Chuyen tien" số tiền chuyển 320.000 đồng. Giao dịch này là chuyển tiền đến số tài khoản của chị T, đối chiếu với bản phô tô tin nhắn qua ứng dụng Zalo giữa tài khoản "T Vay Tiền Mới" và tài khoản bà N thấy rằng số tiền 320.000 đồng bà N cho chị T vay, không nằm trong số tiền 54.000.000 đồng; các giao dịch từ 10/01/2021 đến 28/02/2021 không có giao dịch nào thể hiện việc chị T chuyển khoản từ tài khoản của chị T đến tài khoản của bà N. Còn các giao dịch trước ngày 10/01/2021 Hội đồng xét xử không xem xét.

Tại Sao kê chi tiết giao dịch tên khách hàng Tạ Thị T được in sao từ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam Phòng giao dịch huyện C từ ngày 03/3/2021 đến ngày 31/3/2022 có thông tin chuyển khoản từ tài khoản Tạ Thị T đến số tài khoản của bà Đinh Thị N (101869052038), gồm:

Ngày 20/5/2021 "TA THI THUY chuyen tien" 400.000 đồng. Giao dịch chuyển 400.000 đồng không ghi nội dung chuyển khoản, đối chiếu với bản phô tô tin nhắn Zalo bà Đinh Thị N giao nộp tại Bút lục số 173,174,175,176 thể hiện chị T chuyển khoản số tiền 400.000 đồng nhờ bà N nộp tiền mạng internet, tiền điện thoại;

Ngày 25/5/2021 "TA THI THUY chuyen tien nop tien dien" 400.000 đồng. Giao dịch này trùng với bản phô tô tin nhắn Zalo giữa chị T và bà N tại Bút lục số 170 về việc nhờ bà N nộp tiền điện với số tiền 400.000 đồng;

Ngày 20/6/2021 "TA THI THUY chuyen tien nop mang giup e" số tiền 220.000 đồng. Giao dịch này trùng với bản phô tô tin nhắn Zalo giữa chị T và bà N tại Bút lục số 165, 166, 167 về việc nhờ bà N nộp tiền mạng internet.

Ngày 26/6/2021 "TA THI THUY chuyen tien nop tien dien thang 6" số tiền 450.000 đồng. Giao dịch này trùng với bản phô tô tin nhắn Zalo giữa chị T và bà N tại Bút lục số 163 về việc nhờ bà N nộp tiền điện;

Ngày 20/8/2021 "TA THI THUY chuyen tien" 1.600.000 đồng. Giao dịch này bà N xác nhận chị T đã chuyển 1.600.000 đồng để trả tiền lãi, đồng thời trùng với nội dung tin nhắn Zalo giữa chị T và bà N tại bút lục số 156;

Ngày 21/10/2021 "TA THI THUY chuyen tien" 230.000 đồng. Giao dịch này trùng với bản phô tô tin nhắn Zalo giữa chị T và bà N tại Bút lục số 163 về việc nhờ bà N nộp tiền mạng internet;

Ngày 05/11/2021 "TA THI THUY chuyen tien" 500.000 đồng. Giao dịch này bà N xác nhận chị T đã chuyển 500.000 đồng để trả tiền lãi, đồng thời trùng với nội dung tin nhắn Zalo giữa chị T và bà N tại bút lục số 141;

Ngày 22/11/2021 "TA THI THUY chuyen tien" 220.000 đồng. Giao dịch này trùng với bản phô tô tin nhắn Zalo bà N nộp bổ sung trước khi mở phiên tòa thể hiện thông tin chị T nhờ bà N nộp tiền mạng internet;

Ngày 20/12/2021 "Thuy giao vien nho chuyen tien cuoc mang internet" số tiền 220.000 đồng. Giao dịch này trùng với bản phô tô tin nhắn Zalo giữa chị T và bà N tại Bút lục số 140 về việc nhờ bà N nộp tiền mạng internet;

Ngày 20/02/2022 "TA THI THUY chuyen tien thanh toan mang" 220.000 đồng. Giao dịch này trùng với bản phô tô tin nhắn Zalo giữa chị T và bà N tại Bút lục số 135 về việc nhờ bà N nộp tiền mạng internet;

Ngày 28/02/2022 "TA THI THUY chuyen tien cuoc dien thoai" 170.000 đồng. Giao dịch này trùng với bản phô tô tin nhắn Zalo giữa chị T và bà N tại Bút lục số 132 về việc nhờ bà N nộp tiền điện thoại;

Ngày 20/3/2022 "TA THI THUY chuyen tien nop cuoc mang" 220.000 đồng. Giao dịch này trùng với bản phô tô tin nhắn Zalo giữa chị T và bà N tại Bút lục số 131 về việc nhờ bà N nộp tiền mạng internet;

Như vậy, căn cứ trên các bản chứng từ in sao kê của hai ngân hàng mà chị T đã giao nộp, căn cứ bản phô tô các tin nhắn qua ứng dụng mạng xã hội Zalo giữa tài khoản tên "T Vay Tiền Mới" với tài khoản bà N và căn cứ các ý kiến xác nhận của bà Đinh Thị N thấy rằng chị Tạ Thị T không có đủ chứng cứ chứng minh đã trả hết số tiền nợ gốc 5.400.000 đồng vay ngày 10/3/2021 và trả một phần của khoản nợ gốc số tiền 54.000.000 đồng. Có căn cứ xác định chị T đã chuyển khoản trả một phần tiền lãi của tổng khoản tiền gốc 59.400.000 đồng đã vay bà N.

[4] Xét yêu cầu trả lãi của bà Đinh Thị N.

Giấy vay tiền ngày 10/01/2021 thể hiện nội dung thỏa thuận trả lãi hằng tháng số tiền 2.700.000 đồng đối với số tiền nợ gốc 54.000.000 đồng; số tiền lãi này tương ứng với mức lãi suất 5%/tháng. Giấy vay tiền ngày 10/3/2021 ghi mức lãi suất 5%/tháng. Như vậy, Hợp đồng vay tài sản giữa chị T và bà N có thỏa thuận về lãi suất, mức lãi suất này chưa gấp 05 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự (mức lãi 20%/năm tức 1.667%/tháng) nhưng vượt quá mức lãi suất 20%/năm quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự nên Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận mức lãi suất 20%/năm, không chấp nhận phần lãi suất vượt quá 20%/năm.

Căn cứ các nội dung chuyển khoản của chị Tạ Thị T và xác nhận của bà Đinh Thị N có căn cứ xác định chị T đã trả được tổng số tiền lãi 4.100.000 đồng. Xác định số tiền lãi chị T đã trả chưa vượt quá số tiền lãi chị T phải trả theo các mốc thời gian, cụ thể:

Ngày 20/8/2021 chị T chuyển trả bà N 1.600.000 đồng *(Một triệu sáu trăm nghìn đồng)*. Tính từ ngày 11/3/2021 (ngày tiếp theo của ngày 10/3/2021) chị T vay bà N tổng số tiền nợ gốc 59.400.000 đồng, số tiền lãi từ ngày 11/3/2021 đến ngày 20/8/2021 là 59.400.000 đồng x 20%/năm x 05 tháng 09 ngày (159 ngày) = 5.175.123 đồng, chị T trả 1.600.000 đồng tiền lãi, như vậy chị T trả lãi còn thiếu 3.575.123 đồng;

Ngày 05/11/2021 chị T chuyển trả bà N 500.000 đồng *(Năm trăm nghìn đồng)*. Số tiền lãi tính từ 21/8/2021 đến 05/11/2021 là 59.400.000 đồng x 20%/năm x 02 tháng 14 ngày (74 ngày) = 2.408.548 đồng, chị T chuyển trả 500.000 đồng, như vậy chị T trả lãi còn thiếu 1.908.548 đồng, chưa tính số lãi còn thiếu 3.575.123 đồng nêu trên;

Ngày 02/5/2022 chị T chuyển trả bà N 2.000.000 đồng *(Hai triệu đồng)*. Số tiền lãi tính từ ngày 06/11/2021 đến ngày 02/5/2022 là 59.400.000 đồng x 20%/năm x 05 tháng 26 ngày (176 ngày) = 5.728.438 đồng, như vậy chị T trả lãi còn thiếu 3.728.438 đồng, chưa tính số lãi còn thiếu 3.575.123 đồng và 1.908.548 đồng nêu trên.

Do vậy, có đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà N về việc buộc chị T trả số tiền lãi tính từ ngày 11/3/2021 đến ngày 15/5/2023 với mức lãi suất 20%/năm, trừ đi số tiền 4.100.000 đồng chị T đã chuyển trả.

Từ những phân tích và nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 275, 278, 280, 463, 466, 468, 469, 470 của Bộ luật Dân sự cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị N. Buộc chị Tạ Thị T có nghĩa vụ trả cho bà Đinh Thị N tổng số tiền nợ gốc 59.400.000 đồng. Buộc chị Tạ Thị T có N vụ trả số tiền lãi của tổng số tiền nợ gốc 59.400.000 đồng tính từ ngày 11/3/2021 đến ngày 15/5/2023 (ngày xét xử) là 02 năm 02 tháng 04 ngày (tức 794 ngày), số tiền lãi chị T phải trả là: (59.400.000 đồng x 20% : 365 x 794 ngày) – 4.100.000 đồng = 21.743.100 đồng (*Hai mươi mốt triệu bảy trăm bốn mươi ba nghìn một trăm đồng)* (số tiền đã được làm tròn số). Tổng số tiền nợ gốc và lãi chị Tạ Thị T có nghĩa vụ trả cho bà

Đinh Thị N là 81.143.100 đồng *(Tám mươi mốt triệu một trăm bốn mươi ba nghìn một trăm đồng)*.

[5] Về lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ: Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[6] *Về án phí*: Áp dụng các Điều 143, 144, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Chị Tạ Thị T phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền phải thanh toán là 81.143.100 đồng x 5% = 4.057.200 đồng *(Bốn triệu không trăm năm mươi bảy nghìn hai trăm đồng)* (số tiền đã được làm tròn số).

Bà Đinh Thị N không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Trả lại bà Đinh Thị N số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[7] *Về quyền kháng cáo:* Áp dụng Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 143, 144, 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 275, 278, 280, 351, 357, 463, 466, 468, 469, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" của bà Đinh Thị N đối với chị Tạ Thị T.

2. Buộc chị Tạ Thị T có nghĩa vụ trả cho bà Đinh Thị N tổng số tiền nợ gốc và lãi là 81.143.100 đồng *(Tám mươi mốt triệu một trăm bốn mươi ba nghìn một trăm đồng)*. Trong đó: Tổng số tiền nợ gốc 59.400.000 đồng *(Năm mươi chín triệu bốn trăm nghìn đồng)*, tổng số tiền lãi là 21.743.100 đồng (*Hai mươi mốt triệu bảy trăm bốn mươi ba nghìn một trăm đồng)*. Thời hạn thanh toán số tiền trên từ khi bản án số 06/2023/DS-ST ngày 15/5/2023 của Tòa án nhân dân huyện C có hiệu lực pháp luật.

" Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015".

3. Về án phí: Chị Tạ Thị T phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 4.057.200 đồng *(Bốn triệu không trăm năm mươi bảy nghìn hai trăm đồng)*.

Bà Đinh Thị N không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Trả lại cho bà N số tiền 1.902.500 đồng *(Một triệu chín trăm linh hai nghìn năm trăm đồng)* do đã nộp tiền tạm ứng án phí tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005457 ngày 20/10/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tuyên Quang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnhTuyên Quang;*
- *VKSND tỉnh Tuyên Quang;*
- *VKSND huyện C;*
- *Chi cục THADS huyện C;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu HSVA, VP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Đào Thị Bích Ngọc